

## CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI TIẾP CẬN THỰC TIỄN, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Nguyễn Thị Hương, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

*Ngày nhận bài: 30/03/2018; ngày sửa chữa: 16/04/2018; ngày duyệt đăng: 18/04/2018.*

**Abstract:** The Bachelor of School Administration program plays an important role in equipping learners with the basic knowledge about the governance of educational institutions including administration, human resource management, teaching and learning administration, educational programs management, relationships management and education quality management. The article introduces some of the bachelor's degree programs in the field of Educational Management, Educational Administration of some international prestigious universities, on which the author proposed the framework of the Bachelor Program of School Management for the University of Education - Vietnam National University, Hanoi.

**Keywords:** School administration, education management, education administration.

### 1. Mở đầu

Chương trình đào tạo ngành Quản trị trường học (QTTH) hấp dẫn với người học bởi giá trị quản trị một cách khoa học và hệ thống. Theo cách tiếp cận hệ thống, chương trình được xây dựng dựa trên trực quản trị, bao gồm từ quản trị chiến lược đến quản trị nhân sự. Thông qua khóa học, sinh viên sẽ được trang bị những kỹ năng cần thiết như khả năng hội tụ, kết nối nguồn nhân lực hay khả năng cải tiến, học hỏi từ các tổ chức khác...; khóa học được tổ chức với chi phí phù hợp đối với sinh viên, có tính thực tiễn cao và có nhiều cơ hội thực hành những kiến thức kỹ năng nghề nghiệp được học. Sinh viên có các cơ hội học hỏi chia sẻ kinh nghiệm từ những nhà quản trị giáo dục có kinh nghiệm trong và ngoài nước. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được trang bị năng lực chuyên môn cao và có khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp hấp dẫn đáp ứng yêu cầu thực tiễn đổi mới giáo dục nước nhà. Việc tham khảo các chương trình đào tạo trong nước và nước ngoài làm cơ sở đề xuất khung chương trình đào tạo QTTH chuẩn là cần thiết và cấp bách hiện nay.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Một số chương trình đào tạo cử nhân trong lĩnh vực Quản lý giáo dục của các trường đại học uy tín của Việt Nam

2.1.1. Chương trình Cử nhân Quản lý giáo dục do Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng

##### 2.1.1.1. Mục tiêu đào tạo

**Mục tiêu chung:** Chương trình đào tạo trang bị cho người học các kiến thức chung, cơ bản cốt lõi về quản lý ngành giáo dục nói chung, quản lý đào tạo, hành chính

giáo dục và quản lý giáo dục (QLGD) nói riêng; rèn luyện năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chuyên viên hành chính trong các cơ sở giáo dục và cán bộ quản lý trong lĩnh vực giáo dục; chương trình góp phần tạo nguồn nhân lực cho việc xây dựng nền hành chính giáo dục chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

**Mục tiêu cụ thể:** Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân ngành QLGD người học có thể: - Vận dụng được những kiến thức cơ bản về giáo dục và quản lý vào công việc thực tế của bản thân trong các cơ sở giáo dục, tổ chức giáo dục; - Tổ chức, thực hiện có hiệu quả công việc của một chuyên viên trong một phòng chức năng tại một cơ sở giáo dục; - Thực hiện được các chức năng quản lý, như kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra trên cương vị công tác của mình trong ngành giáo dục; - Thực hiện được các kỹ năng của chuyên viên quản lý, như soạn thảo văn bản, lưu trữ; - Trung thực, chính xác, chuyên nghiệp trong công tác; - Chân thành, lắng nghe, cởi mở trong giao tiếp.

**Các mục tiêu khác:** - Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; - Có kỹ năng giải quyết vấn đề; - Có kỹ năng hợp tác, làm việc theo đội; - Có kỹ năng giao tiếp (bằng ngôn ngữ, trong đó có ngoại ngữ).

##### 2.1.1.2. Tên văn bằng và môn thi tuyển sinh

**Tên văn bằng:** Tiếng Việt: Cử nhân Quản lý giáo dục; Tiếng Anh: Bachelor in Education Management

**Môn thi tuyển sinh:** Theo điểm xét tuyển tốt nghiệp trung học phổ thông

##### 2.1.1.3. Khung chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo gồm 134, trong đó: - **Khối kiến thức chung** (Chưa tính **Giáo dục thể**

chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kỹ năng bổ trợ) 27; - Khối kiến thức theo lĩnh vực 6; - Khối kiến thức theo khối ngành 19: + Bắt buộc (12); + Tự chọn (7)/16; - Khối kiến thức theo nhóm ngành 24: + Bắt buộc (12); + Tự chọn (12/24); - Khối kiến thức ngành 58: + Bắt buộc

(30); + Tự chọn (12/27); + Kiến thức thực tập và tốt nghiệp 16.

2.1.2. Chương trình Cử nhân Quản lý giáo dục do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp bằng:

*Khung chương trình chuyên ngành QLGD*

Khối kiến thức	Mã học phần	Tên học phần	Kì thứ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Điều kiện tiên quyết	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức chung	PSYC 301	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	0	1	20		X	
	DEFE 201	Giáo dục quốc phòng	0	7	160		X	
	POLI 101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin - phần 1	1	2	40		X	
	ENGL 101	Tiếng Anh 1	1	4	80			X
	FREN 101	Tiếng Pháp 1	1	4	80			X
	RUSS 101	Tiếng Nga 1	1	4	80			X
	CHIN 101	Tiếng Trung 1	1	4	44			X
	PSYC 201	Tâm lý học	1	3	60		X	
	PHYE 101	Giáo dục thể chất 1	1	1	33		X	
	POLI 201	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin - phần 2	2	3	60	Tiên quyết Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin - phần 1	X	
	ENGL 102	Tiếng Anh 2	2	3	60	Tiên quyết: Tiếng Anh 1		X
	FREN 102	Tiếng Pháp 2	2	3	60	Tiên quyết: Tiếng Pháp 1		X
	RUSS 102	Tiếng Nga 2	2	3	60	Tiên quyết: Tiếng Nga 1		X
	COMP 101	Tin học đại cương	2	2	40		X	
	PSYC 202	Giáo dục học	2	4	80	Tiên quyết: Tâm lý học	X	
	PHYE 102	Giáo dục thể chất 2	2	1	33		X	
	MUSI 109	Âm nhạc	2	2	40			X
	POLI 109	Mĩ học và Giáo dục thẩm mỹ	2	2	40			X
	PSYC 109	Kỹ năng giao tiếp	2	2	40			X
	CHIN 102	Tiếng Trung 2	2	3	60			X
	POLI 202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	2	40	Tiên quyết: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin - phần 2	X	
	ENGL 202	Tiếng Anh 3	3	3	60			X
	FREN 201	Tiếng Pháp 3	3	3	60	Tiên quyết: Tiếng Pháp 2		X
	RUSS 201	Tiếng Nga 3	3	3	60	Tiên quyết: Tiếng Nga 2		X
	CHIN 201	Tiếng Trung 3	3	3	33			X
	PHYE 201	Giáo dục thể chất 3	3	1	33		X	
	POLI 301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4	3	60	Tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	
	EDUC 230	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	2	40		X	
PHYE 202	Giáo dục thể chất 4	4	1	33		X		
Khối kiến thức chuyên ngành	EDUC 226	Quản lý tài chính và cơ sở vật chất trong giáo dục	0	0	0		X	
	PHIL 282	Tiếng Việt	1	2	40		X	
	EDUC 122	Xác suất thống kê	1	2	40	Tiên quyết : Giáo dục học	X	
	EDUC 123	Lịch sử giáo dục thế giới	1	2	40		X	
	EDUC 125	Xã hội học giáo dục	1	2	40			X

POLI 222	Logic học	2	2	40	Tiên quyết : Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin - phần 1	X	
EDUC 121	Lịch sử giáo dục Việt Nam	2	2	40		X	
EDUC 311	Xây dựng trường học thân thiện	2	2	40	Tiên quyết: Giáo dục học		X
PHIL 177	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	40			X
EDUC 221	Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy QLGD	3	2	40	Tiên quyết: Giáo dục học	X	
GEOG 426	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	3	2	40			X
EDUC 222	Tâm lý học quản lý	3	2	40	Tiên quyết: Tâm lý học	X	
EDUC 223	Đại cương về quản lý và QLGD	3	3	60	Tiên quyết: Giáo dục học	X	
EDUC 124	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	3	2	40		X	
EDUC 227	Ứng dụng công nghệ thông tin trong QLGD	3	2	40		X	
EDUC 224	Hệ thống thông tin QLGD và dự báo giáo dục	4	2	40	Tiên quyết : Xác suất thống kê	X	
EDUC 225	Khoa học tổ chức đại cương	4	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lý và QLGD	X	
EDUC 228	Phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD	4	2	40	Tiên quyết: Xác suất thống kê	X	
EDUC 229	Lịch sử các tư tưởng và mô hình QLGD hiện đại trên thế giới	4	3	60	Tiên quyết: Đại cương về quản lý và QLGD		X
EDUC 230	Cơ sở pháp lý trong giáo dục và QLGD	4	2	40	Tiên quyết : Đại cương về quản lý và QLGD		X
EDUC 233	Phương pháp dạy học chuyên ngành	4	2	30		X	
PSYC 239	Đánh giá trong giáo dục	5	2	40	Tiên quyết : Xác suất thống kê	X	
EDUC 314	Quản lý nhân sự	5	2	40	Tiên quyết : Đại cương về quản lý và QLGD	X	
EDUC 315	Quản lý hoạt động giáo dục trong trường phổ thông	5	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lý và QLGD	X	
EDUC 316	Quản lý hoạt động dạy học trong trường phổ thông	5	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lý và QLGD	X	
EDUC 320	Phương pháp giải quyết vấn đề và tư duy phê phán	5	2	40			X
EDUC 321	Xu thế phát triển xã hội hiện đại và giáo dục hiện đại	5	3	60	Tiên quyết: Giáo dục học		X
EDUC 325	Giáo dục kỹ năng sống	5	2	40	Tiên quyết: Giáo dục học		X
EDUC 312	Kinh tế học giáo dục	6	2	40		X	
EDUC 313	Nhiệm vụ quản lý hành chính trong các cơ sở giáo dục	6	2	40	Tiên quyết : Đại cương về quản lý và QLGD	X	
EDUC 317	QLGD thường xuyên và từ xa	6	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lý và QLGD	X	
ENGL 287	Tiếng Anh chuyên ngành	6	2	40	Tiên quyết: Tiếng Anh 3		X
FREN 281	Tiếng Pháp chuyên ngành	6	2	40	Tiên quyết: Tiếng Pháp 3		X
RUSS 281	Tiếng Nga chuyên ngành QLGD	6	2	40	Tiên quyết: Tiếng Nga 3		X
EDUC 319	QLGD hoà nhập	6	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lý và QLGD		X
EDUC 322	Quản lý sự thay đổi	6	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lý và QLGD		X

EDUC 323	Lập kế hoạch trong các cơ sở giáo dục	6	3	60	Tiên quyết: Đại cương về quản lí và QLGD		X
EDUC 324	Phát triển nguồn nhân lực	6	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lí và QLGD		X
EDUC 326	Quản lí dự án giáo dục	6	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lí và QLGD		X
EDUC 399	Thực tập sư phạm 1	6	2	0		X	
EDUC 412	Kiểm tra và thanh tra trong giáo dục	7	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lí và QLGD	X	
EDUC 413	Tư vấn trong quản lí giáo dục	7	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lí và QLGD	X	
EDUC 414	QLGD mầm non	7	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lí và QLGD	X	
EDUC 415	QLGD phổ thông	7	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lí và quản lí giáo dục	X	
EDUC 416	QLGD nghề nghiệp và đại học	7	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lí và QLGD	X	
EDUC 417	Quản lí chương trình đào tạo	7	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lí và QLGD		X
EDUC 418	QLGD cộng đồng	7	2	40	Tiên quyết: Đại cương về quản lí và QLGD		X
EDUC 419	Đánh giá giảng viên, nhân viên và người học	7	3	60	Tiên quyết: Đánh giá trong giáo dục		X
EDUC 420	Giao tiếp hiệu quả trong QLGD	7	2	40	Tiên quyết: Tâm lí học quản lí		X
POLI 401	Quản lí nhà nước và Quản lí ngành giáo dục	8	1	20		X	
EDUC 411	Nhân cách và lao động của người cán bộ QLGD	8	2	40	Tiên quyết: Tâm lí học quản lí	X	
EDUC 498	Thực tập sư phạm 2	8	4	0		X	
EDUC 499	Khoá luận tốt nghiệp	8	10	0		X	

## 2.2. Một số chương trình đào tạo cử nhân trong lĩnh vực Quản lí giáo dục, Quản trị giáo dục của các trường đại học uy tín của nước ngoài

### 2.2.1. Chương trình Cử nhân Quản trị Giáo dục của Đại học Quốc tế Atlantic

Giới thiệu chương trình:

- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành), tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Bachelors of Educational Administration (BS)

- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo: School of Social and Human Studies, Atlantic International University

- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo: Trường Đại học Atlantic International University

Đại học Quốc tế Atlantic được công nhận bởi Dịch vụ chứng nhận cho các trường học Quốc tế, cao đẳng và đại học (ASIC). ASIC là một tiêu chuẩn chất lượng nổi tiếng thế giới cho các trường cao đẳng và đại học. ASIC là thành viên của Tổ chức Chất lượng Quốc tế CheA (CIQG) tại

Hoa Kỳ, cơ quan kiểm định được phê chuẩn của Bộ Nội vụ và có trụ sở tại Anh và được liệt kê trong Thư mục quốc tế của Hội đồng Chứng nhận Giáo dục Đại học (CHEA). AIU đáp ứng tất cả luật pháp tiểu bang và liên bang như một cơ quan cấp bằng cấp ở Hoa Kỳ và Tiểu bang Hawaii. Trường đại học được thành lập hợp pháp theo điều lệ công ty vào năm 1998 và có danh tiếng tốt.

([https://www.aiu.edu/university/Major/Bachelor/Educational\\_Administration/](https://www.aiu.edu/university/Major/Bachelor/Educational_Administration/))

### 2.2.2. Chương trình Cử nhân Giáo dục của Đại học New England

Giới thiệu chương trình:

- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành), tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Bachelor of Education (Teaching).

- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo: Đại học New England, UNE.

- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo: Trường Đại học New England được thành lập từ năm

1838, Theo Bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới năm 2007 của Trường Đại học Jiao Tong Thượng Hải (Shanghai Jiao Tong University - SJTU), Đại học New England được xếp vào một trong số 500 trường đại học hàng đầu trên thế giới và một trong 100 trường đại học hàng đầu tại khu vực châu Á Thái Bình Dương.

Website: <https://my.une.edu.au/courses/2010/courses/BEDPRM/program-of-study-on.html>

### 2.2.3. So sánh các chương trình nước ngoài và các chương trình đào tạo cử nhân Quản lý giáo dục của Việt Nam

❖ **Giống nhau:** Nhìn chung các chương trình nước ngoài và các chương trình cử nhân về QLGD của Việt Nam đều có một số học phần tuy không trùng khít về tên gọi nhưng khá giống nhau về nội dung và cách thức tiếp cận, ví dụ:

TT	Chương trình Cử nhân Quản trị Giáo dục của đại học Quốc tế Atlantic	Chương trình cử nhân QTTH (dự kiến)
1	Giáo dục và thay đổi xã hội	Giáo dục quốc phòng an ninh
2	Phát triển quản trị	Quản trị học
3	Lí thuyết về tổ chức	Đại cương tâm lí học và tâm lí học nhà trường
4	Những sáng kiến đổi mới giáo dục	Giáo dục học
5	Lãnh đạo giáo dục và hiệu trưởng	Lí thuyết về hành chính trong các tổ chức giáo dục
6	Phát triển quốc tế	Môi trường và phát triển
7	Học tập theo kinh nghiệm	Giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường
8	Các hoạt động giải quyết xung đột	Tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường
9	Giao tiếp và điều tra	Quan hệ nội bộ trong nhà trường
10	Giáo viên và lớp học	Phát triển chương trình nhà trường
11	Gia đình như các nhà giáo dục	QTTH trong mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng
12	Đánh giá việc học tập	Đánh giá trong giáo dục
13	Phát triển văn hóa (kinh nghiệm thực hành)	Xây dựng văn hóa nhà trường
14	Hiệu trưởng	Lãnh đạo sáng tạo
15	Chuẩn bị phát triển nghề nghiệp	Tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường
16	Quản trị nhân lực trong giáo dục	Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường
17	Tài chính trường học và các hoạt động	Kinh tế học giáo dục
18	Phát triển quản trị	Chính sách và thực thi quản trị trường học
19	Quản lý chất lượng tổng thể trong giáo dục	Đảm bảo chất lượng trong giáo dục

Cả 2 chương trình nước ngoài này và chương trình đào tạo về QLGD của Việt Nam đều khái quát về những khái niệm cơ bản về tâm lí học giáo dục trong nhà trường, lí thuyết về tổ chức nhà trường. Đồng thời cả 2 cũng đề cập tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, kĩ năng sống cho học sinh và sinh viên trong các hoạt động giáo dục, trong đó kết hợp tốt việc “dạy người” thông qua “dạy chữ”, “dạy nghề”. Cả hai chương trình đều có mục tiêu là trang bị kiến thức và khả năng chuyên môn để các cử nhân được cộng đồng đánh giá tốt, đây là cơ hội để phát triển kĩ năng, kiến thức và thái độ để trở thành những nhà giáo dục thành công.

#### ❖ **Khác nhau:**

Hầu hết các nước trên thế giới đào tạo giáo viên trình độ đại học theo nhóm ngành: xã hội, tự nhiên; không đi

theo ngành chuyên sâu cho một học phần cụ thể. Chương trình giới thiệu về những vấn đề vĩ mô như kinh tế học, xã hội học, vấn đề phát triển con người; vấn đề dạy học chỉ chiếm một phần nhỏ trong chương trình.

Ở Việt Nam, đào tạo cử nhân ngành QLGD nhìn chung hướng đến việc rèn luyện tay nghề ở từng chuyên ngành cụ thể. Trong chương trình, ngoài các môn chung, trang bị kiến thức chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa... như Triết học, Lịch sử Đảng, Logic học, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Ngoại ngữ, Tin học, còn lại phần lớn là các môn thuộc chuyên ngành khoa học cơ bản (Ngữ văn) và khoa học giáo dục. Do sự khác biệt về kinh tế, chính trị và đặc biệt văn hóa đặc thù, ở Việt Nam tập trung nhiều vào mảng hành chính đặc thù của cơ sở giáo dục Việt Nam, còn chương trình của nước ngoài tập trung vào vai trò của lãnh đạo đối với các hoạt động hành chính trong nhà trường.

### 2.3. Đề xuất khung chương trình Cử nhân Quản trị trường học của Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

#### 2.3.1. Căn cứ đề xuất khung chương trình cử nhân quản trị trường học

Căn cứ các văn bản về xây dựng và mở ngành mới như: - Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/09/2017 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và định chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học; - Quy định mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/04/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; - Công văn số 1080/ĐT- Đại học Quốc gia Hà Nội, Hướng dẫn

xây dựng các chương trình đào tạo mới phù hợp với kế hoạch phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội; - Công văn số 1577/ĐHQGHN-ĐT, Hướng dẫn việc hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra phù hợp phương thức đào tạo theo tín chỉ ở Đại học Quốc gia Hà Nội; - Công văn số 3043/QĐ-ĐT, Quyết định về việc ban hành danh mục các học phần thuộc khối kiến thức chung; - Công văn số 3109/HD-ĐHQGHN, Hướng dẫn xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

Cụ thể, theo Quy chế đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội, chương trình đào tạo được xếp theo các khối kiến thức: 1) Khối kiến thức chung được tổ chức giảng dạy thống nhất cho tất cả các ngành học; 2) Khối kiến thức theo lĩnh vực được tổ chức giảng dạy thống nhất cho các ngành học thuộc cùng lĩnh vực; 3) Khối kiến

thức theo khối ngành được tổ chức giảng dạy cho các ngành học thuộc cùng khối ngành; 4) Khối kiến thức theo nhóm ngành được tổ chức giảng dạy cho các ngành học thuộc cùng nhóm ngành; 5) Khối kiến thức ngành được tổ chức giảng dạy cho một ngành học.

Khung chương trình được đề xuất như sau: Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo gồm 134, trong đó: - *Khối kiến thức chung* 27 (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kỹ năng bổ trợ); - *Khối kiến thức theo lĩnh vực* 6; - *Khối kiến thức theo khối ngành* 19: + Bắt buộc (12); + Tự chọn (7/16); - *Khối kiến thức theo nhóm ngành* 24: + Bắt buộc (12); + Tự chọn (12/24); - *Khối kiến thức ngành* 58: + Bắt buộc (30); + Tự chọn (12/24); + Kiến thức thực tập và tốt nghiệp (16).

### 2.3.2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung</b>	<b>27</b>				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	24	6		
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	36	9		PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	16	40	4	
	FLF2101	Tiếng Anh cơ sở 1					
	FLF2201	Tiếng Nga cơ sở 1					
	FLF2301	Tiếng Pháp cơ sở 1					
	FLF2401	Tiếng Trung cơ sở 1					
7		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	20	50	5	
	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2					FLF2101
	FLF2202	Tiếng Nga cơ sở 2					FLF2201
	FLF2302	Tiếng Pháp cơ sở 2					FLF2301
	FLF2402	Tiếng Trung cơ sở 2					FLF2401
8		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	20	50	5	
	FLF2103	Tiếng Anh cơ sở 3					FLF2102
	FLF2203	Tiếng Nga cơ sở 3					FLF2202
	FLF2303	Tiếng Pháp cơ sở 3					FLF2302
	FLF2403	Tiếng Trung cơ sở 3					FLF2402
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8				
11		Kỹ năng bổ trợ	3				
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>	<b>6</b>				
12	SCA1001	Quản trị học	3	30	12	3	
13	PSE2002	Giáo dục học	3	30	15	0	
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>19</b>				
<b>III.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>12</b>				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
14	SCA1002	Đại cương về QTTH	3	33	9	3	SCA1001
15	MNS2064	Hành chính học đại cương	3	33	9	3	
16	PSE2001	Đại cương tâm lí học và tâm lí học nhà trường	3	30	15	0	
17	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	26	16	3	
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>16</b>				
18	SCA1003	Công nghệ giáo dục trong thời kì 4.0	3	17	25	3	
19	EDM1004	Xã hội học và xã hội học giáo dục	3	31	14	0	
20	EDM2003	Kinh tế học giáo dục	3	31	14	0	
21	SCA1004	Lí thuyết về hành chính trong các tổ chức giáo dục	4	40	16	4	
22	SCA1005	Lí luận dạy học hiện đại	3	33	9	3	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>24</b>				
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>				
23	SCA2001	Ứng dụng tâm lí học trong quản trị nhà trường	3	33	12	0	PSE2001
24	EDM2006	Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lí trong QLGD	3	33	9	3	
25	SCA2002	Giám sát hoạt động giáo dục trong nhà trường	3	39	6	0	EDM2006
26	SCA2003	Quản lí chương trình nhà trường	3	36	6	3	
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>12/24</b>				
27	SCA2004	Quản trị chiến lược trong nhà trường	3	33	9	3	SCA1001
28	SCA2005	QTTH trong mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng	3	36	9	0	SCA1001
29	SCA2006	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường	3	30	15	0	SCA1003
30	SCA2007	Quan hệ nội bộ trong nhà trường	3	33	9	3	
31	SCA2008	Xây dựng văn hóa nhà trường	3	33	9	3	
32	SCA2009	Kĩ năng QTTH 1	3	33	9	3	
33	SCA2010	Kĩ năng QTTH 2	3	33	9	3	
34	SCA2011	Kĩ năng QTTH 3	3	33	9	3	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>58</b>				
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>30</b>				
35	SCA3001	Giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường	4	33	18	9	
36	SCA3002	Chính sách và thực thi QTTH	3	33	9	3	
37	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	24	6	0	
38	SCA3003	Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường	3	33	12	0	
39	SCA3004	Quản lí tài chính trong nhà trường	3	33	9	3	
40	SCA3005	Quản lí cơ sở vật chất trong nhà trường	3	33	9	3	
41	SCA3006	Đảm bảo chất lượng trong giáo dục	3	36	9	0	
42	EDM2002	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và đào tạo	3	36	6	3	
43	EAM1001	Đánh giá trong giáo dục	3	33	9	3	
44	CAL3007	Lí luận pháp luật về phòng chống tham nhũng	3	30	15	0	
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>12/24</b>				
45	EDM3009	Huy động cộng đồng phát triển giáo dục	3	33	12	0	
46	SCA3007	Tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường	3	33	9	3	
47	SCA3008	Quản trị dự án trong trường học	3	33	12	0	
48	SCA3009	Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường	3	33	9	3	
49	SCA3010	Lãnh đạo sáng tạo	3	30	12	3	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
50	PSE2006	Tư vấn tâm lí học đường	3	17	25	3	
51	SCA3011	Hệ thống thông tin trong QTTH	3	33	12	0	
52	SCA3012	Quản trị thông tin trong trường học	3	17	25	3	
<b>V.3</b>	<b>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>		<b>16</b>				
53	SCA4001	Thực tập nghiệp vụ 1	4	9	51	0	
54	SCA4002	Thực tập nghiệp vụ 2	6	15	75	0	SCA4001
55	SCA4003	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	30	60	SCA4002
	<b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>6</b>				
56	SCA4004	Thực hành QTTH	3	33	12	0	SCA4002
57	SCA4005	Nghiệp vụ quản lí hành chính trong cơ sở giáo dục	3	33	12	0	SCA4002
	<b>Tổng cộng</b>		<b>134</b>				

**Ghi chú:** Học phần Ngoại ngữ thuộc Khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kì, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

### 3. Kết luận

Chương trình Cử nhân QTTH sẽ trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, cốt lõi về quản trị tổ chức và cơ sở giáo dục gồm quản trị hành chính, quản trị nhân sự, quản trị hoạt động dạy học và giáo dục, quản trị thiết kế và thực thi chương trình giáo dục, quản trị các mối quan hệ trong và ngoài nhà trường, quản trị chất lượng giáo dục... Tham gia chương trình đào tạo, người học sẽ có nhiều lợi ích vì đây là chương trình đào tạo mới tại Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội; Vị trí việc làm đa dạng; Chương trình đào tạo chuẩn; Cơ sở đào tạo thực hiện nghiêm túc, đảm bảo các quyền lợi của người học theo các quy định liên quan đến đào tạo sau đại học; Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lí chất lượng cao, luôn xác định mục tiêu vì sự phát triển của người học; Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập hiện đại; Môi trường học tập tốt... Khi đạt được trình độ cử nhân QTTH, người học sẽ có năng lực tác nghiệp giáo dục trong cơ sở giáo dục: hỗ trợ phát triển chuyên môn của các giáo viên, nhân viên; tổ chức, hỗ trợ và giám sát hoạt động dạy học và giáo dục; tư vấn cho lãnh đạo và quản lí nhà trường về QTTH; hướng dẫn, tổ chức cho giáo viên và nhân viên thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo chất lượng dạy học và giáo dục; hỗ trợ, tư vấn cho phụ huynh học sinh, học sinh và cộng đồng trong các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường, hướng nghiệp cho học sinh.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Douglas E. Mitchell (Editor) (2006). *New Foundations for Knowledge in Educational Administration, Policy, and Politics: Science and Sensationalism*. Routledge.
- [2] Douglas J. Fiore (2009). *Introduction to Educational Administration: Standards, Theories, and Practice*. Eye On Education.
- [3] Everard, K.B, Geoffrey Morris, Ian Wilson (2009). *Quản trị hiệu quả trường học*. NXB Hà Nội (Tài liệu dùng cho cán bộ quản lí trường phổ thông, bản dịch tiếng Việt).
- [4] Arald Koontz (1992). *Những vấn đề cốt yếu của quản lí*. NXB Khoa học - Kỹ thuật.
- [5] Hà Văn Hội (2007). *Quản trị học những vấn đề căn bản*. NXB Bưu điện.
- [6] James H. Donnel (2008). *Quản trị học căn bản*. NXB Lao động - Xã hội.
- [7] John A. Black (2002). *What They Don't Tell You in Schools of Education about School Administration Reprint Edition*. R&L Education; Reprint edition (January 15, 2002).
- [8] Manmohan Joshi (2012). *Administration Skills*. Manmohan Joshi and Ventus Publishing.
- [9] Marlene Caroselli (2010). *Leadership skills for management*. McGrawHill.
- [10] Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục*.
- [11] [https://www.aiu.edu/university/Major/Bachelor/Educational\\_Administration/](https://www.aiu.edu/university/Major/Bachelor/Educational_Administration/)
- [12] <https://my.une.edu.au/courses/2010/courses/BEDM/program-of-study-on.html>
- [13] Nguyen Thi My Loc (2017). *Educational Administration And Educational Management*. Vietnam Journal of Education, Vol.1, pp. 13-15.